

CÔNG TY CỔ PHẦN EVERPIA VIỆT NAM
(Thành lập tại CHXHCN Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 25



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Everpia Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008.

KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN EVERPIA VIỆT NAM

Công ty Cổ phần Everpia Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) được chuyển đổi hình thức từ doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài - Công ty TNHH Everpia Việt Nam.

Công ty Cổ phần Everpia Việt Nam được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đầu tư cấp lần đầu số 011033000055 ngày 27/4/2007. Theo Giấy chứng nhận đầu tư thay đổi lần thứ 4 ngày 27/8/2008 thì Giấy chứng nhận đầu tư này thay thế Giấy phép đầu tư số 195/GP – HN ngày 04/09/2003; các Giấy phép đầu tư điều chỉnh số 195/GPĐC1 – HN ngày 04/11/2004, 195/GPĐC2 – HN ngày 20/05/2005, 195/GPĐC3 – HN ngày 13/03/2006, Giấy chứng nhận điều chỉnh Giấy phép đầu tư số 195/GCNĐC1/01/1 ngày 24/11/2006, đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Thời hạn hoạt động của Công ty là 40 năm kể từ ngày 04/9/2003.

Công ty có trụ sở chính đặt tại xã Dương Xá, huyện Gia Lâm, Hà Nội. Chi nhánh giao dịch đặt tại số 86 Điện Biên Phủ, phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được đăng ký theo giấy chứng nhận đầu tư cấp lần đầu là 48.000.000.000 VND tương đương 3.000.000 USD. Theo Giấy chứng nhận Đầu tư điều chỉnh lần thứ 4 ngày 27/08/2008 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp số vốn là: 82.200.000.000 VND (Tám hai tỷ, hai trăm triệu Việt nam đồng) tương đương 5.137.500 USD (Năm triệu một trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đô la Mỹ), số vốn này được chia làm 8.220.000 cổ phần phổ thông, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 VND, chi tiết bao gồm:

- Công ty TNHH Everholdings góp 46.800.000.000 VND tương đương với 2.925.000 USD (tương ứng với 4.680.000 cổ phần), chiếm 56,93% vốn góp;
- Ông Lee Jae Eun góp 21.600.000.000 VND tương đương với 1.350.000 USD (tương ứng với 2.160.000 cổ phần), chiếm 26,28 % vốn góp;
- Ông Kyo Sun Chung góp 3.600.000.000 VND tương đương với 225.000 USD (tương ứng với 360.000 cổ phần), chiếm 4,38 % vốn góp;
- Công ty Mirae Asset Maps Oppotunity Việt Nam Equity Balanced Fund 1 góp 7.200.000.000 VND tương đương với 450.000 USD (tương ứng với 720.000 cổ phần), chiếm 8,76% vốn góp;
- Công ty Dream No.7 Investment Partnership góp 3.000.000.000 VND tương đương với 187.500 USD (tương ứng với 300.000 cổ phần), chiếm 3,65 % vốn góp.

Trong đó Ông Lee Jae Eun là cổ đông sáng lập, còn lại là các cổ đông phổ thông.

HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Hoạt động chính của Công ty là Sản xuất vải không dệt, vải lọc, ni, chăn, ga trải giường, gối, nệm, túi ngủ, ba lô, túi xách, đồ lót và hàng may mặc khác.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày trong Báo cáo tài chính từ trang 6 đến trang 25 kèm theo.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lee Jae Eun	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 17/4/2008
Ông Park Soon O	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 17/4/2008
Ông Cho Yong Hwan	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 17/4/2008
Ông Kwon Sung Ha	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 17/4/2008
Ông Lim Jin Taek	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 17/4/2008
Ông Lee Je Won	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 17/4/2008
Ông Nguyễn Văn Đào	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 17/4/2008

Ban Giám đốc

Ông Lee Jae Eun	Tổng Giám đốc
Ông Park Soon O	Phó Tổng Giám đốc
Ông Cho Yong Hwan	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lim Jin Teak	Giám đốc bán hàng
Ông Kwon Sung Ha	Giám đốc tài chính
Ông Lee Jea Won	Giám đốc chi nhánh Hồ Chí Minh

Ngoài lương và các khoản phụ cấp theo lương, không có thành viên nào trong Ban Giám đốc có bất kỳ lợi ích nào khác từ các Hợp đồng của bên thứ ba ký với Công ty hay các bên liên quan.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày 31/12/2008 cần phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Lê Jae Eun
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 13 tháng 03 năm 2009

Tầng 5 - 6, Số 136 Hoàng Quốc Việt
Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Việt Nam

Tel : (84-4) 755 7446
Fax : (84-4) 755 7448
Website: uhyvietnam.com.vn

Số: *TA* /2009/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Everpia Việt Nam
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008**

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Everpia Việt Nam**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Everpia Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Các Báo cáo tài chính đã được lập theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc từ trang 2 đến trang 4, Ban Giám đốc của Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến độc lập về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và tiến hành kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không có những sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm kiểm tra trên cơ sở chọn mẫu các bằng chứng liên quan đến các số liệu và thông tin được trình bày trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời đánh giá nguyên tắc kế toán được sử dụng và các ước tính trọng yếu của Ban Giám đốc cũng như đánh giá tổng quát tính đúng đắn của việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp một cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Everpia Việt Nam tại ngày 31/12/2008 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Nguyễn Thị Kim Tân
Phó Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0670/KTV
Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Ngày 13 tháng 03 năm 2009
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Minh Long
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0666/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2008	Tại 01/01/2008
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		140.349.569.781	112.892.495.836
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		19.951.750.456	4.960.273.711
1. Tiền	111	V.1	19.951.750.456	4.960.273.711
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		43.874.070.587	28.184.887.792
1. Phải thu khách hàng	131		43.192.316.276	31.975.757.301
2. Trả trước cho người bán	132		1.887.648.829	1.469.542.587
5. Các khoản phải thu khác	138	V.2	4.666.445.855	1.896.980.498
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(5.872.340.373)	(7.157.392.594)
IV. Hàng tồn kho	140		75.039.369.351	75.939.265.759
1. Hàng tồn kho	141	V.3	75.039.369.351	75.939.265.759
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.484.379.387	3.808.068.574
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		648.730.952	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	2.168.833.296
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.4	176.349.097	176.329.108
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		659.299.338	1.462.906.170
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		89.938.524.221	88.894.840.130
II. Tài sản cố định	220		85.299.190.822	81.622.891.542
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	56.799.409.371	56.449.619.768
- Nguyên giá	222		138.671.342.647	131.155.481.008
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(81.871.933.276)	(74.705.861.240)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.6	25.376.003.402	25.173.271.774
- Nguyên giá	228		35.254.628.290	33.024.466.546
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(9.878.624.888)	(7.851.194.772)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.7	3.123.778.049	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		4.639.333.399	7.271.948.588
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	4.546.559.724	7.125.674.588
3. Tài sản dài hạn khác	268		92.773.675	146.274.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		230.288.094.002	201.787.335.966

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

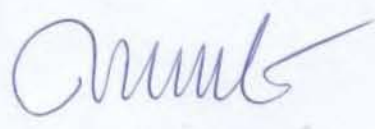
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2008	Tại 01/01/2008
1	2	3	4	5
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		69.441.522.716	88.441.579.631
I. Nợ ngắn hạn	310		68.840.522.579	88.160.439.168
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.9	3.215.422.225	4.624.449.202
2. Phải trả người bán	312		23.045.537.609	68.812.962.161
3. Người mua trả tiền trước	313		748.864.027	2.595.301.203
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.10	17.389.698.514	8.829.808.365
5. Phải trả người lao động	315		2.874.035.379	1.182.205.166
6. Chi phí phải trả	316	V.11	1.560.358.955	360.000.000
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.12	19.506.605.870	1.255.713.071
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		500.000.000	500.000.000
II. Nợ dài hạn	330		601.000.137	281.140.463
4. Vay và nợ dài hạn	334		424.655.552	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		176.344.585	281.140.463
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		160.846.571.286	113.345.756.335
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.13	160.846.571.286	113.345.756.335
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		82.200.000.000	54.800.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		6.000.000.000	20.400.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		33.904.895	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		72.612.666.391	38.145.756.335
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		230.288.094.002	201.787.335.966

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Tại 31/12/2008	Tại 01/01/2008
5. Ngoại tệ các loại		200.630,35	34.322,82
- USD		200.381,03	34.322,82
- EURO		249,32	-


Lê Jae Eun
 Tổng Giám đốc
 Hà Nội, ngày 13 tháng 03 năm 2009


Nguyễn Kiên Trung
 Kế toán trưởng

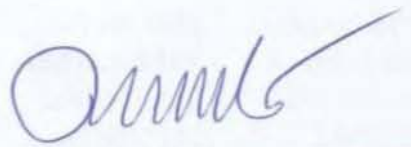
Các Thuyết minh từ trang 10 đến 25 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2008	Năm 2007
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	334.860.782.710	240.557.697.195
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	03	VI.2	343.738.116	356.588.323
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	334.517.044.594	240.201.108.872
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	223.866.733.286	183.722.373.524
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		110.650.311.308	56.478.735.348
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	363.579.788	382.228.726
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	4.943.723.730	3.247.284.543
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		776.238.585	2.773.993.159
8. Chi phí bán hàng	24		18.283.377.661	12.257.406.813
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		23.175.450.970	19.091.264.698
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		64.611.338.735	22.265.008.020
11. Thu nhập khác	31	VI.7	5.101.120.872	19.736.973.423
12. Chi phí khác	32	VI.8	4.633.016.732	16.146.858.739
13. Lợi nhuận khác	40		468.104.141	3.590.114.684
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		65.079.442.876	25.855.122.704
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	14.168.282.410	5.171.024.541
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		50.911.160.466	20.684.098.163
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu			6.194	3.774


Lee Jae Eun
 Tổng Giám đốc
 Hà Nội, ngày 13 tháng 03 năm 2009

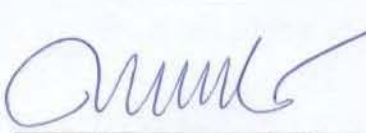

Nguyễn Kiên Trung
 Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Lập theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2008	Năm 2007
1	2	3	4
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	1	65.079.442.876	25.855.122.704
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ	2	7.692.939.905	8.456.896.481
- Các khoản dự phòng	3	1.586.796.420	3.088.180.860
- Lãi, lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4	3.737.677.667	19.176.845
- Lãi, lỗ hoạt động đầu tư	5	(817.488.878)	12.391.336
- Chi phí lãi vay	6	776.238.585	2.773.993.159
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		
- Tăng giảm các khoản phải thu	9	(18.363.090.449)	(3.572.481.289)
- Tăng giảm hàng tồn kho	10	899.896.408	(7.458.742.776)
- Tăng giảm các khoản phải trả	11	(22.012.017.160)	(10.606.785.584)
- Tăng giảm chi phí trả trước	12	1.930.383.912	(2.132.878.216)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(676.184.139)	(2.773.993.159)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(8.113.699.691)	(2.677.951.048)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(137.160.692)	(539.168.007)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	31.583.734.763	10.443.761.306
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(13.429.075.839)	(5.542.348.155)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	224.761.908	6.285.714
7. Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	343.707.469	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(12.860.606.462)	(5.536.062.441)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	27.200.000.000
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	12.157.871.185	54.361.115.963
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(13.755.865.449)	(85.319.723.820)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.049.806.519)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(3.647.800.783)	(3.758.607.857)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	15.075.327.518	1.149.091.008
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4.960.273.711	3.810.139.150
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(83.850.773)	1.043.553
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	19.951.750.456	4.960.273.711


Lê Jae Eun
Tổng Giám đốc
 Hà Nội, ngày 13 tháng 03 năm 2009


Nguyễn Kiên Trung
Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP**1 Khái quát chung về Công ty**

Công ty Cổ phần Everpia Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) được chuyển đổi hình thức từ doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài - Công ty TNHH Everpia Việt Nam.

Công ty Cổ phần Everpia Việt Nam được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đầu tư cấp lần đầu số 011033000055 ngày 27/4/2007. Theo Giấy chứng nhận đầu tư thay đổi lần thứ 4 ngày 27/8/2008 thì Giấy chứng nhận đầu tư này thay thế Giấy phép đầu tư số 195/GP – HN ngày 04/09/2003; các Giấy phép đầu tư điều chỉnh số 195/GPĐC1 – HN ngày 04/11/2004, 195/GPĐC2 – HN ngày 20/05/2005, 195/GPĐC3 – HN ngày 13/03/2006, Giấy chứng nhận điều chỉnh Giấy phép đầu tư số 195/GCNĐC1/01/1 ngày 24/11/2006, đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Thời hạn hoạt động của Công ty là 40 năm kể từ ngày 04/9/2003.

Công ty có trụ sở chính đặt tại xã Dương Xá, huyện Gia Lâm, Hà Nội. Chi nhánh giao dịch đặt tại số 86 Điện Biên Phủ, phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được đăng ký theo giấy chứng nhận đầu tư cấp lần đầu là 48.000.000.000 VND tương đương 3.000.000 USD. Theo Giấy chứng nhận Đầu tư điều chỉnh lần thứ 4 ngày 27/08/2008 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp số vốn là: 82.200.000.000 VND (Tám hai tỷ, hai trăm triệu đồng Việt Nam) tương đương 5.137.500 USD (Năm triệu một trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đô la Mỹ), số vốn này được chia làm 8.220.000 cổ phần phổ thông, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 VND, chi tiết bao gồm:

- Công ty TNHH Everholdings góp 46.800.000.000 VND tương đương với 2.925.000 USD (tương ứng với 4.680.000 cổ phần), chiếm 56,93% vốn góp;
- Ông Lee Jae Eun góp 21.600.000.000 VND tương đương với 1.350.000 USD (tương ứng với 2.160.000 cổ phần), chiếm 26,28 % vốn góp;
- Ông Kyo Sun Chung góp 3.600.000.000 VND tương đương với 225.000 USD (tương ứng với 360.000 cổ phần), chiếm 4,38 % vốn góp;
- Công ty Mirae Asset Maps Oppotunity Việt Nam Equity Balanced Fund 1 góp 7.200.000.000 VND tương đương với 450.000 USD (tương ứng với 720.000 cổ phần), chiếm 8,76% vốn góp;
- Công ty Dream No.7 Investment Partnership góp 3.000.000.000 VND tương đương với 187.500 USD (tương ứng với 300.000 cổ phần), chiếm 3,65 % vốn góp.

Trong đó Ông Lee Jae Eun là cổ đông sáng lập, còn lại là các cổ đông phổ thông.

2. HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Hoạt động chính của Công ty là Sản xuất vải không dệt, vải lọc, ni, chăn, ga trải giường, gối, nệm, túi ngủ, ba lô, túi xách, đồ lót và hàng may mặc khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong Báo cáo tài chính này là Việt Nam đồng (VND). Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh nghiệp vụ kinh tế.

III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ngày 20/03/2006, Bộ tài chính đã ban hành Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC về việc “Ban hành chế độ kế toán doanh nghiệp”. Quyết định này có hiệu lực 15 ngày kể từ ngày đăng công báo. Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008 được lập theo Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này.

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn, là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

2. Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Các khoản phải thu của khách hàng được trình bày theo giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị ước tính về nợ khó đòi được Ban Giám thực hiện đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối năm.

Các khoản nợ được xác định là khó đòi sẽ được xử lý theo hướng dẫn tại Thông tư số 13/2006/TT-BTC ngày 27/02/2006 của Bộ Tài chính.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng. Khi cần thiết thì dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và khiếm khuyết phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 13/2006/TT-BTC ngày 27/02/2006 của Bộ Tài chính.

Giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**4. Tài sản cố định hữu hình và hao mòn**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản cố định vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài Chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Năm 2008
Nhà cửa vật kiến trúc	25 - 50
Máy móc và thiết bị	6 - 15
Phương tiện vận tải	9 - 10
Thiết bị văn phòng	8 - 10
Tài sản cố định khác	4 - 10

5. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện giá trị Kênh phân phối, Thương hiệu, phần mềm máy vi tính và tài sản vô hình khác của Công ty. Tài sản vô hình của Công ty được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích.

Thương hiệu và Kênh phân phối của Công ty được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của Thương hiệu là 20 năm, của Kênh phân phối là 15 năm. Tài sản vô hình khác là chi phí thực hiện phim Quảng cáo và giá trị thẻ chơi Golf. Thời gian khấu hao của tài sản cố định vô hình cụ thể như sau:

	Năm 2008
Thương hiệu	20
Kênh phân phối	15
Phần mềm máy tính	4
Tài sản vô hình khác	10

6. Chi phí trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm: Chi phí nghiên cứu thị trường phát sinh năm 2006, được phân bổ trong thời gian 3 năm kể từ tháng 10 năm 2006; Giá trị công cụ, dụng cụ không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định được phân bổ vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh trong thời gian không quá 2 năm; Các khoản chi phí khác được phân bổ theo thời gian thực tế sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**7. Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng hoá, dịch vụ được ghi nhận khi hàng hoá và dịch vụ đã được chuyển giao cho khách hàng và được khách hàng chấp nhận thanh toán.

8. Hạch toán ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam (VND) theo tỷ giá hạch toán được áp dụng trong năm. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong các nghiệp vụ thanh toán được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại ngày này. Khoản lỗ (lãi) chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại này được loại trừ khi tính thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện không được sử dụng để chia lợi nhuận.

9. Chi phí lãi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản (vốn hoá) cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh thực tế.

10. Thuế

Theo Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp và các hướng dẫn liên quan, Công ty Cổ phần Everpia Việt Nam được hưởng mức thuế suất ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp là 20 % áp dụng trong 10 năm kể từ khi có lợi nhuận chịu thuế. Năm 2008, Thuế thu nhập doanh nghiệp được Công ty tính bằng 20% tổng thu nhập chịu thuế Thu nhập doanh nghiệp chi tiết số liệu thuyết minh số VI.9 - “ Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành”. Tuy nhiên, việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền.

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 0% đối với các lô hàng xuất khẩu, 10% đối với các lô hàng khác.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

11. Bên liên quan

Một bên được xem là có liên quan đến Công ty Cổ phần Everpia Việt Nam nếu có quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty trong các quyết định kinh doanh và quyết định tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại 31/12/2008 VND	Tại 01/01/2008 VND
- Tiền mặt	280.881.840	391.078.843
- Tiền gửi ngân hàng	19.670.868.616	4.569.194.868
Cộng	19.951.750.456	4.960.273.711

2. Các khoản phải thu khác

	Tại 31/12/2008 VND	Tại 01/01/2008 VND
- Phải thu khác	4.666.445.855	1.896.980.498
+ Thuế VAT chờ được kê khai	284.057.567	545.540.777
+ Hàng gửi gia công	933.300.400	659.478.580
+ Các khoản phải thu khác	3.449.087.888	691.961.141
Cộng	4.666.445.855	1.896.980.498

3. Hàng tồn kho

	Tại 31/12/2008 VND	Tại 01/01/2008 VND
- Hàng mua đang đi trên đường	430.556.623	169.605.674
- Nguyên liệu, vật liệu	41.357.505.013	43.889.098.090
- Công cụ, dụng cụ	-	183.428.122
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	4.091.974.300	3.663.779.606
- Thành phẩm	25.938.028.835	26.673.158.877
- Hàng hoá	1.561.453.025	823.331.087
- Hàng gửi đi bán	1.659.851.555	536.864.303
Cộng giá trị gốc của hàng tồn kho	75.039.369.351	75.939.265.759

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****4. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước**

	Tại 31/12/2008 VND	Tại 01/01/2008 VND
- Thuế nhập khẩu nộp thừa	176.329.120	176.329.108
- Thuế GTGT của hàng nhập khẩu nộp thừa	19.977	
Cộng	176.349.097	176.329.108

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

5. Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ						
Tại 01/01/2008	27.649.535.604	97.720.270.144	2.052.010.283	3.645.346.077	88.318.900	131.155.481.008
- Mua trong năm	-	2.265.702.462	5.674.218.584	-	135.215.000	8.075.136.046
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	559.274.407	-	-	559.274.407
Tại 31/12/2008	27.649.535.604	99.985.972.606	7.166.954.460	3.645.346.077	223.533.900	138.671.342.647
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ						
Tại 01/01/2008	14.138.571.803	56.623.484.871	1.120.479.152	2.749.429.089	73.896.325	74.705.861.240
- Khấu hao trong năm	1.031.716.787	5.955.616.492	454.692.320	210.252.294	40.662.013	7.692.939.905
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	526.867.869	-	-	526.867.869
Tại 31/12/2008	15.170.288.590	62.579.101.363	1.048.303.603	2.959.681.383	114.558.338	81.871.933.276
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại 01/01/2008	13.510.963.801	41.096.785.273	931.531.131	895.916.988	14.422.575	56.449.619.768
Tại 31/12/2008	12.479.247.014	37.406.871.243	6.118.650.857	685.664.694	108.975.562	56.799.409.371

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay: 1.077.536.801 đồng.

Giá trị Tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng được ghi nhận trên Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình: 13.376.144.939 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

6. Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Thương hiệu	Kênh phân phối	Phần mềm máy vi tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ vô hình					
Tại 01/01/2008	23.494.500.000	7.831.500.000	31.702.000	1.666.764.546	33.024.466.546
- Mua trong năm	-	13.894.040	-	2.216.267.704	2.230.161.744
Tại 31/12/2008	<u>23.494.500.000</u>	<u>7.845.394.040</u>	<u>31.702.000</u>	<u>3.883.032.250</u>	<u>35.254.628.290</u>
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại 01/01/2008	5.100.779.618	2.667.873.635	20.474.199	62.067.320	7.851.194.772
- Khấu hao trong năm	1.226.248.026	516.362.640	8.793.888	276.025.562	2.027.430.116
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Tại 31/12/2008	<u>6.327.027.644</u>	<u>3.184.236.275</u>	<u>29.268.087</u>	<u>338.092.882</u>	<u>9.878.624.888</u>
Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình					
Tại 01/01/2008	<u>18.393.720.382</u>	<u>5.163.626.365</u>	<u>11.227.801</u>	<u>1.604.697.226</u>	<u>25.173.271.774</u>
Tại 31/12/2008	<u>17.167.472.356</u>	<u>4.661.157.765</u>	<u>2.433.913</u>	<u>3.544.939.368</u>	<u>25.376.003.402</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại 31/12/2008 VND	Tại 01/01/2008 VND
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	3.123.778.049	-
Cộng	3.123.778.049	-

8. Chi phí trả trước dài hạn

	Tại 31/12/2008 VND	Tại 01/01/2008 VND
- Giá trị còn lại công cụ dụng cụ	1.505.900.344	4.211.708.924
- Chi phí trả trước dài hạn khác	2.365.816.607	2.913.965.664
+ Chi phí nghiên cứu thị trường	1.426.712.629	2.853.425.366
+ Chi phí quảng cáo	763.839.663	-
+ Chi phí phòng cháy	157.458.345	-
+ Tiền thuê đất	17.805.970	60.540.298
- Chi phí khác	674.842.773	-
Cộng	4.546.559.724	7.125.674.588

9. Vay và nợ ngắn hạn

	Tại 31/12/2008 VND	Tại 01/01/2008 VND
Vay ngắn hạn	3.215.422.225	4.624.449.202
+ Ngân hàng Ngoại thương VN (tiền USD)	-	4.124.449.202
+ Vay ngắn hạn khác	3.103.422.225	500.000.000
+ Vay dài hạn đến hạn trả	112.000.000	-
Cộng	3.215.422.225	4.624.449.202

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Tại 31/12/2008 VND	Tại 01/01/2008 VND
- Thuế GTGT	2.105.255.194	1.048.081
- Thuế xuất, nhập khẩu	40.343.261	-
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	14.681.074.217	8.011.157.724
+ Tiền phạt thuế phải nộp	2.154.934.182	2.154.934.182
+ Thuế TNDN phải nộp	12.526.140.035	5.856.223.542
- Thuế thu nhập cá nhân	563.025.842	817.602.560
Cộng	17.389.698.514	8.829.808.365

11. Chi phí phải trả

	Tại 31/12/2008 VND	Tại 01/01/2008 VND
- Trích trước chi phí kiểm toán	140.000.000	360.000.000
- Lãi vay phải trả	57.072.082	-
- Trích trước chi phí Quảng cáo	1.343.286.873	-
- Trích trước chi phí Tư vấn luật	20.000.000	-
Cộng	1.560.358.955	360.000.000

12. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Tại 31/12/2008 VND	Tại 01/01/2008 VND
- Bảo hiểm xã hội	162.922.726	375.855.256
- Các khoản phải trả khác	19.343.683.144	879.857.815
- Tiền góp vốn của Công ty Woori Bank	16.973.604.600	-
- Phải trả Công ty CP Thanh Bình	214.947.500	214.947.500
- Phải trả Công ty TNHH UWIN	70.116.094	401.220.240
- Phải trả Mirae Fiber Việt Nam (VMIRAE)	85.403.572	-
- Tiền đặc cọc của các đại lý	300.000.000	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.699.611.378	263.690.075
Cộng	19.506.605.870	1.255.713.071

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**13. Vốn chủ sở hữu**

Tổng số vốn điều lệ của Công ty là: 82.200.000.000 VND (Tám hai tỷ, hai trăm triệu đồng Việt Nam) tương đương 5.137.500 USD (Năm triệu một trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đô la Mỹ), số vốn này được chia làm 8.220.000 cổ phần phổ thông, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 VND.

13a. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Khoản mục	Tại ngày 31/12/2008		Tại ngày 01/01/2008	
	Số tiền VND	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND	Tỷ lệ (%)
Vốn góp của các cổ đông	82.200.000.000	100%	54.800.000.000	100%
+ Công ty TNHH Everholdings - Hàn Quốc	46.800.000.000	56,93%	31.200.000.000	56,93%
+ Ông Chung Kyo Sun	3.600.000.000	4,38%	2.400.000.000	4,38%
+ Ông Lee Jae Eun	21.600.000.000	26,28%	14.400.000.000	26,28%
+ Công ty Mirae, Asset Maps Opportunity Vietnam Equity Balanced Fund 1	7.200.000.000	8,76%	4.800.000.000	8,76%
+ Dream No 7 Investment partnership	3.000.000.000	3,65%	2.000.000.000	3,65%
Thặng dư vốn cổ phần	6.000.000.000	-	20.400.000.000	-

13b. Cổ phiếu

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.220.000	5.480.000
- Số lượng cổ phiếu đã được bán ra công chúng	8.220.000	5.480.000
+ Cổ phiếu thường	8.220.000	5.480.000
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.220.000	5.480.000
+ Cổ phiếu thường	8.220.000	5.480.000
* Mệnh giá cổ phiếu:	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

13c. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND Tổng cộng
Tại 01/01/2007	48.000.000.000	-	-	17.467.658.170	65.467.658.170
- Tăng vốn trong kỳ	6.800.000.000	20.400.000.000	-	-	27.200.000.000
- Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	20.684.098.163	20.684.098.163
- Giảm khác	-	-	-	(5.999.998)	(5.999.998)
Tại ngày 31/12/2007	54.800.000.000	20.400.000.000	-	38.145.756.335	113.345.756.335
Tại 01/01/2008	54.800.000.000	20.400.000.000	-	38.145.756.335	113.345.756.335
- Tăng vốn trong kỳ	13.000.000.000	-	-	-	13.000.000.000
- Thặng dư vốn	14.400.000.000	-	-	-	14.400.000.000
- Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	50.911.160.466	50.911.160.466
- Phạt thuế (*)	-	-	-	(2.050.820.555)	(2.050.820.555)
- Trích các quỹ (**)	-	-	1.033.904.895	(1.033.904.895)	-
- Chi quỹ	-	-	(1.000.000.000)	-	(1.000.000.000)
- Giảm khác	-	(14.400.000.000)	-	(13.359.524.960)	(27.759.524.960)
Tại ngày 31/12/2008	82.200.000.000	6.000.000.000	33.904.895	72.612.666.391	160.846.571.286

(*) Trong đó, 2.041.986.606 là khoản thanh toán tiền phạt nộp chậm thuế xuất nhập khẩu từ năm 2001 đến 2003.

(**) Trích lập các quỹ theo Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông ngày 17/04/2008.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	334.860.782.710	240.557.697.195
Trong đó:		
+ Doanh thu bán hàng hoá	8.578.321.056	842.695.008
+ Doanh thu bán thành phẩm	326.282.461.654	239.715.002.187
- Sản phẩm Chăn ga	251.893.574.084	163.696.394.456
- Sản phẩm Bông	64.477.302.642	65.767.114.246
- Sản phẩm Trần bông	9.911.584.928	10.251.493.485

2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Các khoản giảm trừ doanh thu	343.738.116	356.588.323
Trong đó:		
+ Hàng bán bị trả lại	-	5.531.520
+ Giảm giá hàng bán	355.500	-
+ Hàng bán bị trả lại	343.382.616	351.056.803
- Sản phẩm Chăn ga	343.382.616	351.056.803

3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Doanh thu thuần	334.517.044.594	240.201.108.872
Trong đó:		
+ Doanh thu bán hàng hoá	8.578.321.056	842.695.008
+ Doanh thu bán thành phẩm	325.938.723.538	239.358.413.864
- Sản phẩm Chăn ga	251.549.835.968	163.339.806.133
- Sản phẩm Bông	64.477.302.642	65.767.114.246
- Sản phẩm Trần bông	9.911.584.928	10.251.493.485

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

4. Giá vốn hàng bán

	Năm 2008	Năm 2007
	VND	VND
- Giá vốn hàng hoá	1.099.672.076	624.016.887
- Giá vốn thành phẩm	222.767.061.210	183.098.356.637
+ Sản phẩm Chăn ga	171.594.447.939	126.347.299.186
+ Sản phẩm Bông	45.913.388.973	47.764.597.641
+ Sản phẩm Trần bông	5.259.224.298	8.986.459.810
Cộng	223.866.733.286	183.722.373.524

5. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2008	Năm 2007
	VND	VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	357.902.519	40.984.833
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.677.269	340.200.340
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	1.043.553
Cộng	363.579.788	382.228.726

6. Chi phí tài chính

	Năm 2008	Năm 2007
	VND	VND
- Lãi tiền vay	776.238.585	2.773.993.159
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	429.807.478	453.070.986
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	3.737.677.667	20.220.398
Cộng	4.943.723.730	3.247.284.543

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)**7. Thu nhập khác**

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Xử lý chênh lệch thuế	1.292.417.822	1.024.044.278
Xử lý khoản đặt cọc thuê nhà	-	89.108.000
Xử lý chênh lệch về công nợ	924.919.025	18.314.167.774
Thu do thanh lý	989.151.111	-
Thuế nhập khẩu được hoàn	-	122.586.000
Xử lý chênh lệch hàng tồn kho	880.655.495	-
Thu nhập khác	1.013.977.419	187.067.371
Cộng	5.101.120.872	19.736.973.423

8. Chi phí khác

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Xử lý chênh lệch về thuế	934.816.522	-
Phân bổ tiền thuê đất năm 2005, 2006	-	90.249.602
Tiền phạt do vi phạm hợp đồng	40.100.000	-
Xử lý chênh lệch Hàng tồn kho	3.167.017.139	16.007.917.431
Các khoản chi phí khác	491.083.071	48.691.706
Cộng	4.633.016.732	16.146.858.739

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Tổng LN kế toán trước thuế TNDN năm hiện hành	65.079.442.876	25.855.122.704
Điều chỉnh tăng (giảm) thu nhập chịu thuế	5.761.969.176	-
Tổng Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	70.841.412.052	25.855.122.704
Chi phí thuế thu nhập DN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	14.168.282.410	5.171.024.541
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập DN hiện hành	14.168.282.410	5.171.024.541

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Thông tin liên quan***Giao dịch với các bên liên quan*

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Mua hàng từ các bên liên quan	76.272.371.081	85.663.777.675
- Công ty TNHH Everholdings	76.272.371.081	85.663.777.675

Thu nhập của Ban Giám đốc

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Tổng thu nhập của ban giám đốc	3.911.996.825	2.871.017.707
- Lương và phụ cấp	3.634.409.825	2.302.904.249
- Tiền thưởng	-	-
- Các khoản phúc lợi khác	277.587.000	568.113.458

Số dư với các bên liên quan

	Tại 31/12/2008 VND	Tại 01/01/2008 VND
Các khoản phải trả	9.155.454.347	43.665.900.416
- Công ty TNHH Everholdings	9.155.454.347	43.665.900.416

2. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu Báo cáo tài chính năm trước đã được kiểm toán được phân loại lại để phù hợp với các trình bày của báo cáo năm nay.


Lê Jae Eun
Tổng Giám đốc
 Hà Nội, ngày 13 tháng 03 năm 2009


Nguyễn Kiên Trung
Kế toán trưởng